

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUẢNG BẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 270/QĐ-UBND

Quảng Bạch, ngày 29 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách
xã Quảng Bạch quý I năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG BẠCH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Quảng Bạch về giao dự toán ngân sách xã Quảng Bạch năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND xã Quảng Bạch v/v giao dự toán ngân sách xã Quảng Bạch năm 2026;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã Quảng Bạch

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách của xã Quảng Bạch quý I năm 2026 (Theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Kho bạc nhà nước Khu vực VII - Phòng giao dịch số 7 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Sở Tài chính; (B/cáo)
- Như Điều 3 (T/hiện)
- TT. Đảng ủy, TT HĐND xã; (B/cáo)
- LĐ UBND xã;
- LĐ Văn phòng;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã;
- Lưu: VT, TH.

CHU TỊCH



Nông Văn Dương



TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ 1 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND xã Quảng Bạch)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)	
			Phát Sinh	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.400.000.000	3.501.081.093	3.501.081.093	250%	
I	Thu nội địa không kể dầu thô	1.400.000.000	246.204.827	246.204.827	18%	
II	Thu về dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu Viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	54.319.000.000	32.627.484.809	32.627.484.809	60%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1.258.000.000	3.466.911.516	3.466.911.516	276%	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%		3.390.305.867	3.390.305.867		
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %		76.605.649	76.605.649		
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	53.061.000.000	14.160.564.000	14.160.564.000	27%	
1	Bổ sung cân đối	39.994.000.000	9.900.000.000	9.900.000.000	25%	
2	Bổ sung có mục tiêu	13.067.000.000	4.260.564.000	4.260.564.000	33%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		15.000.009.293	15.000.009.293		
V	Thu kết dư					
C	TỔNG CHI NSDP	54.319.000.000	24.811.965.418	24.811.965.418	46%	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	54.319.000.000	9.371.755.194	9.371.755.194	17%	
1	Chi đầu tư phát triển	2.230.000.000	105.586.125	105.586.125	5%	
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	50.857.000.000	9.266.169.069	9.266.169.069	18%	
3	Chi trả lãi, phí tiền vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi cho vay					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	1.232.000.000			0%	
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					



ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ 1 NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND xã Quảng Bạch)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện so (%)	
			Phát sinh	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.400.000.000	3.501.081.093	3.501.081.093	250	
I	Thu nội địa không kể dầu thô	1.400.000.000	246.204.827	246.204.827	18	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	363.000.000	20.513.955	20.513.955	6	
4	Thuế thu nhập cá nhân	70.000.000	35.977.408	35.977.408	51	
5	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện					
6	Các loại phí, lệ phí	407.000.000	55.972.513	55.972.513	14	
	Trước: Lệ phí trước bạ	258.000.000	49.611.513	49.611.513	19	
7	Các khoản thu về nhà, đất	310.000.000	100.156.532	100.156.532	32	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.000.000	18.432	18.432	2	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	9.000.000				
-	Thu tiền sử dụng đất	300.000.000	100.138.100	100.138.100	33	
-	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
8	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác vùng biển					
12	Thu khác ngân sách	250.000.000	33.584.419	33.584.419	13	
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
14	Thu hồi vốn, cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN					
-	Thu hồi vốn của Nhà nước tại các tổ chức kinh tế					
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
II	Thu về dầu thô					
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế xuất khẩu					
2	Thuế nhập khẩu					
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu					
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu					
5	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam					
6	Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu					
7	Thu khác					
IV	Thu Viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Hoàn thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP		3.466.911.516	3.466.911.516		
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP		76.605.649	76.605.649		
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%		3.390.305.867	3.390.305.867		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND xã Quảng Bạch)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)	
			Phát Sinh	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	54.319.000.000	9.085.669.069	9.085.669.069	17%	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	54.319.000.000	9.085.669.069	9.085.669.069	17%	
I	Chi đầu tư phát triển	2.230.000.000			0%	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	2.230.000.000			0%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả lãi, phí tiền vay					
III	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	50.857.000.000	9.085.669.069	9.085.669.069	18%	
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	18.912.000.000	3.443.879.973	3.443.879.973	18%	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	1.232.000.000			0%	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					